

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----*-----
Bản án số: 197/2022/DS-ST
Ngày 07/9/2022.
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thúy An.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường.

2. Ông Tô Tuấn Tú.

- Thư ký phiên tòa: **Ông La Tương Lai** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Mai Quốc T, sinh năm 19** (có mặt).

Địa chỉ: ấp D, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Nguyễn Thanh T1, sinh năm 19** (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Mai Quốc T trình bày: Ông T1 có mua vật liệu xây dựng của cửa hàng ông từ tháng 7/2021 đến tháng 11/2021, có trả được 01 lần tiền là 50.000.000 đồng, đến ngày 23/11/2021 hai bên chốt lại nợ, ông T1 còn nợ lại ông số tiền 45.889.000 đồng, ông T1 có viết và ký tên vào biên nhận. Ông T1 hứa 01 tháng sau sẽ trả đủ tiền cho ông nhưng sau đó, ông đòi nhiều lần nhưng ông T1 cố tình trốn tránh không trả. Nay ông yêu cầu ông T1 trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 45.889.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật. Theo đơn khởi kiện, ông có yêu cầu ông T1 trả lãi chậm trả nhưng đến ngày 25/5/2022, ông thay đổi yêu cầu, không yêu cầu ông T1 trả lãi.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa ông T và ông T1 là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt ông T1.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, ông T yêu cầu ông T1 có nghĩa vụ trả lại số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 45.889.000 đồng, theo biên nhận ngày 23/11/2021. Nhận thấy, ông T1 có mua vật liệu xây dựng của ông T, đến ngày 23/11/2021 còn nợ lại số tiền là 45.889.000 đồng và ông T1 có ký tên vào biên nhận. Do ông T1 đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông T1 đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp chứng cứ gì để phản đối lại yêu cầu khởi kiện của ông T nên Hội đồng xét xử, căn cứ theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, yêu cầu của ông T là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông T1 có nghĩa vụ trả lại ông T số tiền còn nợ là 45.889.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về yêu cầu trả lãi, ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông T1 phải chịu án phí theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 430, Điều 440, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Quốc T.**

- Buộc ông Nguyễn Thanh T1 có nghĩa vụ trả lại ông Mai Quốc T số tiền là 45.889.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng*), khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T1 chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông T1 phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông T1 phải chịu án phí là 2.294.450 đồng (*Hai triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi đồng*).

+ Hoàn lại ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.216.000 đồng (*Một triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng*) theo biên lai số 0007871 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm. Riêng ông T1 vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:**

- VKSND huyện GCD;
- CC THADS huyện GCD;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An

